

**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG THU VÀ MỨC THU GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT; CẬP NHẬT, CHỈNH LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

*(Kèm theo Thông báo số ...../TB-VPDK ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng đăng ký đất đai)*

**1. Đăng ký, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận riêng lẻ đối với hộ gia đình, cá nhân**

*DVT: Đồng*

STT	Nội dung công việc	ĐVT	KK	Giá theo Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu	Thuế GTGT (8%)	Tổng Giá	Làm tròn
A	B	C	D	1	2 = 1 x 8%	3 = 1 + 2	4
1	<b>Đăng ký, cấp GCN về quyền sử dụng đất (Theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến)</b>						
		GCN	1-3	588.000	47.040	635.040	635.000
2	<b>Đăng ký, cấp GCN về tài sản (Theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến)</b>						
		GCN	1-3	527.000	42.160	569.160	569.000
3	<b>Đăng ký, cấp GCN về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến)</b>						
		GCN	1-3	745.000	59.600	804.600	804.000
4	<b>Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp trên một hồ sơ thì mỗi thửa đất tính thêm</b>						
		Thửa		159.000	12.720	171.720	171.000

Ghi chú:

KK1: Các xã, phường vùng miền núi, biên giới

KK2: Các xã, phường tiếp giáp với các phường thuộc đô thị loại II, III, IV; các phường

KK3: Các xã, phường miền núi, biên giới; các xã, phường đặc biệt khó khăn; các xã, phường tiếp giáp với các phường thuộc đô thị loại đặc biệt, loại I

## 2. Đăng ký, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận riêng lẻ đối với tổ chức

*DVT: Đồng*

ST T	Nội dung công việc	DVT	KK	Giá theo Quyết định số 2604/QĐ- UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu	Thuế GTGT (8%)	Tổng Giá	Làm tròn
A	B	C	D	1	2 = 1 x 8%	3 = 1 + 2	4
1	<b>Đăng ký, cấp GCN về quyền sử dụng đất (Theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến)</b>						
		GCN	1-3	782.000	62.560	844.560	844.000
2	<b>Đăng ký, cấp GCN về tài sản (Theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến)</b>				-	-	-
		GCN	1-3	717.000	57.360	774.360	774.000
3	<b>Đăng ký, cấp GCN về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến)</b>				-	-	-
		GCN	1-3	1.000.000	80.000	1.080.000	1.080.000
					-	-	-

*Ghi chú:*

KK1: Các xã, phường vùng miền núi, biên giới

KK2: Các xã, phường tiếp giáp với các phường thuộc đô thị loại II, III, IV; các phường

KK3: Các xã, phường miền núi, biên giới; các xã, phường đặc biệt khó khăn; các xã, phường tiếp giáp với các phường thuộc đô thị loại đặc biệt, loại I

### 3. Đăng ký biến động đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân

*ĐVT: Đồng*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khó khăn	Giá theo Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu	Thuế GTGT (8%)	Tổng Giá	Làm tròn
A	B	C	D	1	2 = 1 x 8%	3=1+2	4
<b>I</b>	<b>Trường hợp đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	661.000	52.880	713.880	713.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	690.000	55.200	745.200	745.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	915.000	73.200	988.200	988.000
<b>II</b>	<b>Trường hợp đăng ký biến động mà không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</b>						
<b>1</b>	<b>Thế chấp hoặc thay đổi nội dung thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai</b>						
-	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	351.000	28.080	379.080	379.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	365.000	29.200	394.200	394.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	467.000	37.360	504.360	504.000
<b>2</b>	<b>Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai</b>						
-	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	348.000	27.840	375.840	375.000

-	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	361.000	28.880	389.880	389.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	459.000	36.720	495.720	495.000
<b>3</b>	<b>Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>						
-	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	340.000	27.200	367.200	367.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	350.000	28.000	378.000	378.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	438.000	35.040	473.040	473.000
<b>4</b>	<b>Cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	345.000	27.600	372.600	372.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	356.000	28.480	384.480	384.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	450.000	36.000	486.000	486.000
<b>5</b>	<b>Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	327.000	26.160	353.160	353.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	332.000	26.560	358.560	358.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	405.000	32.400	437.400	437.000
<b>6</b>	<b>Đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất</b>						
-	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	329.000	26.320	355.320	355.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	334.000	26.720	360.720	360.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	409.000	32.720	441.720	441.000

<b>7</b>	<b>Thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	334.000	26.720	360.720	360.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	341.000	27.280	368.280	368.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	422.000	33.760	455.760	455.000
<b>8</b>	<b>Giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	326.000	26.080	352.080	352.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	329.000	26.320	355.320	355.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	401.000	32.080	433.080	433.000
<b>9</b>	<b>Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	358.000	28.640	386.640	386.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	374.000	29.920	403.920	403.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	483.000	38.640	521.640	521.000
<b>10</b>	<b>Thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	340.000	27.200	367.200	367.000

	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	350.000	28.000	378.000	378.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	438.000	35.040	473.040	473.000
<b>11</b>	<b>Thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	340.000	27.200	367.200	367.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	350.000	28.000	378.000	378.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	438.000	35.040	473.040	473.000
<b>12</b>	<b>Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	339.000	27.120	366.120	366.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	350.000	28.000	378.000	378.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	438.000	35.040	473.040	473.000
<b>13</b>	<b>Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	351.000	28.080	379.080	379.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	350.000	28.000	378.000	378.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	438.000	35.040	473.040	473.000
<b>14</b>	<b>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	340.000	27.200	367.200	367.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	350.000	28.000	378.000	378.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	438.000	35.040	473.040	473.000

<b>15</b>	<b>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	340.000	27.200	367.200	367.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	350.000	28.000	378.000	378.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	438.000	35.040	473.040	473.000
<b>16</b>	<b>Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	334.000	26.720	360.720	360.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	341.000	27.280	368.280	368.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	422.000	33.760	455.760	455.000
<b>17</b>	<b>Đính chính giấy chứng nhận đã cấp</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	326.000	26.080	352.080	352.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	350.000	28.000	378.000	378.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	438.000	35.040	473.040	473.000
<b>18</b>	<b>Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	340.000	27.200	367.200	367.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	350.000	28.000	378.000	378.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	438.000	35.040	473.040	473.000

#### 4. Đăng ký biến động đất đai đối với tổ chức

*ĐVT: Đồng*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khó khăn	Giá theo Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu	Thuế GTGT (8%)	Tổng Giá	Làm tròn
A	B	C	D	1	2 = 1 x 8%	3=1+2	4
<b>I</b>	<b>Trường hợp đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	752.000	60.160	812.160	812.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	720.000	57.600	777.600	777.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	942.000	75.360	1.017.360	1.017.000
<b>II</b>	<b>Trường hợp đăng ký biến động mà không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</b>						
<b>1</b>	<b>Thế chấp hoặc thay đổi nội dung thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai</b>						
-	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	383.000	30.640	413.640	413.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	368.000	29.440	397.440	397.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	464.000	37.120	501.120	501.000
<b>2</b>	<b>Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai</b>						
-	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	380.000	30.400	410.400	410.000

-	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	366.000	29.280	395.280	395.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	460.000	36.800	496.800	496.000
<b>3</b>	<b>Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>						
-	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	372.000	29.760	401.760	401.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	361.000	28.880	389.880	389.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	449.000	35.920	484.920	484.000
<b>4</b>	<b>Cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	377.000	30.160	407.160	407.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	364.000	29.120	393.120	393.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	455.000	36.400	491.400	491.000
<b>5</b>	<b>Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	359.000	28.720	387.720	387.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	354.000	28.320	382.320	382.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	431.000	34.480	465.480	465.000
<b>6</b>	<b>Đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất</b>						
-	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	360.000	28.800	388.800	388.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	355.000	28.400	383.400	383.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	433.000	34.640	467.640	467.000

<b>7</b>	<b>Thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	365.000	29.200	394.200	394.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	358.000	28.640	386.640	386.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	440.000	35.200	475.200	475.000
<b>8</b>	<b>Giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	357.000	28.560	385.560	385.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	353.000	28.240	381.240	381.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	429.000	34.320	463.320	463.000
<b>9</b>	<b>Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	390.000	31.200	421.200	421.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	372.000	29.760	401.760	401.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	473.000	37.840	510.840	510.000
<b>10</b>	<b>Thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	372.000	29.760	401.760	401.000

	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	361.000	28.880	389.880	389.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	449.000	35.920	484.920	484.000
<b>11</b>	<b>Thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	372.000	29.760	401.760	401.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	361.000	28.880	389.880	389.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	449.000	35.920	484.920	484.000
<b>12</b>	<b>Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	383.000	30.640	413.640	413.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	361.000	28.880	389.880	389.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	449.000	35.920	484.920	484.000
<b>13</b>	<b>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	372.000	29.760	401.760	401.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	361.000	28.880	389.880	389.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	449.000	35.920	484.920	484.000
<b>14</b>	<b>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	372.000	29.760	401.760	401.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	361.000	28.880	389.880	389.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	449.000	35.920	484.920	484.000

<b>15</b>	<b>Đính chính giấy chứng nhận đã cấp</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	357.000	28.560	385.560	385.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	353.000	28.240	381.240	381.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	429.000	34.320	463.320	463.000
<b>16</b>	<b>Chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	372.000	29.760	401.760	401.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	361.000	28.880	389.880	389.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	449.000	35.920	484.920	484.000
<b>17</b>	<b>Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	365.000	29.200	394.200	394.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	358.000	28.640	386.640	386.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	440.000	35.200	475.200	475.000
<b>18</b>	<b>Thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	372.000	29.760	401.760	401.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	361.000	28.880	389.880	389.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	449.000	35.920	484.920	484.000

### 5. Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với hộ gia đình, cá nhân

*DVT: Đồng*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khó khăn	Giá theo Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu	Thuế GTGT (8%)	Tổng Giá	Làm tròn
A	B	C	D	1	$2 = 1 \times 8\%$	$3 = 1 + 2$	4
<b>I</b>	<b>CẬP NHẬT, CHỈNH LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH</b>						
	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	257.000	20.560	277.560	277.000
	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	257.000	20.560	277.560	277.000
	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	300.000	24.000	324.000	324.000

### 6. Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với tổ chức

*DVT: Đồng*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khó khăn	Giá theo Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu	Thuế GTGT (8%)	Tổng Giá	Làm tròn
A	B	C	D	1	$2 = 1 \times 8\%$	$3 = 1 + 2$	4
<b>I</b>	<b>CẬP NHẬT, CHỈNH LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH</b>						
-	Đối với đất	Hồ sơ	2-3	280.000	22.400	302.400	302.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	2-3	280.000	22.400	302.400	302.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	2-3	328.000	26.240	354.240	354.000

